TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6- 2023
V/v Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn

2. Ông Nguyễn Văn Minh

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972
Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1977
Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh K chung sống như vợ chồng từ năm 1996, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Anh K và Chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, anh Kcó quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên uống rượu kiếm chuyện gây gỗ, cự cãi, Chị T khuyên nhiều lần không sửa đổi. Nay Chị T nhận thấy tình cảm không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh Knên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1998 và Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 2000. Con chung đã thành niên nên không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Có nhà và đất tọa lạc tại Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Khi ly hôn Chị T và anh K tự thỏa thuận, không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

**** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Tuấn K trình bày**:*

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Kthống nhất theo lời trình bày của Chị T về quá trình chung sống. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không còn phù hợp, Chị T tham gia mở câu lạc bộ ca hát với nhau, anh Kkhông đồng ý nên vợ chồng cự cãi. Nay anh Knhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm không còn, anh K đồng ý ly hôn Chị T.

- Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1998 và Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 2000. Con chung đã thành niên nên không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Có nhà và đất tọa lạc tại Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Khi ly hôn tự thỏa thuận, không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là 'Tranh chấp Hôn nhân gia đình về ly hôn". Bị đơn anh Nguyễn Tuấn K cư trú tại thành phố Sa Đéc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Tuấn K có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Tuấn K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Chị T và anh Kchung sống như vợ chồng từ năm 1996, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…".

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*".

Lẽ ra, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay, Chị T và anh Kphải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng Chị T và anh K đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh Kkhông có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa Chị T và anh K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Từ đó, vợ chồng thường xuyên gây gỗ cự cãi, dẫn đến tình cảm ngày càng bị tổn thương rạn nứt. Nay anh, chị đều xác định tình cảm không còn, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do anh, chị không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*".

Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận Chị T và anh Klà vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1998 và Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 2000. Con chung đã thành niên nên không tranh chấp yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về chia tài sản chung: Có nhà và đất tọa lạc tại Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Khi ly hôn tự thỏa thuận, không tranh chấp yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Chị T và anh K trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tuấn K.

2. Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1998 và Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 2000. Con chung đã thành niên nên không tranh chấp yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tuấn K tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tuấn K trình bày không, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng, Chị T đã nộp ngày 11/4/2023 theo biên lai thu số 0015117 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Thủy

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh ĐT;
- VKS ND TPSĐ;
- THA Dân sự TPSĐ;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.